

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	41	-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	12 lớp/30 phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	465 HS	38 HS/lớp
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	8990,2	19,3
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4163	9
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440	3
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	674	1,4
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	108	0,2
4	Diện tích thư viện (m ²)	143	0,3
5	Diện tích sân tập đa năng (m ²)	360	0,7
6	Diện tích phòng Đoàn - Đội	48	0,1
7	Diện tích phòng truyền thống	48	0,1
8	Diện tích phòng học đa chức năng	75	0,2
9	Diện tích khối phòng hành chính quản trị	371	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	48	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	12	4
2	Khối lớp 7	11	4
3	Khối lớp 8	13	4
4	Khối lớp 9	12	4
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	13 HS/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Laptop	7	
6	Máy photo (thuê)	1	
7	Máy scan	1	
8	Máy in	12	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	42
XI	Nhà ăn	100

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	2 (190m ²)	156	
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		6/6		0,6/0,7
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nhà Bè, ngày 19 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Đàm